

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY  
116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ III**  
**NĂM 2012**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012.

### **CÔNG TY**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 13/09/2012.
- Trụ sở chính của Công ty:  
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : (031)3 854 626  
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2012, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính .

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

*DVT: VND*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	31/12/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>260.254.663.508</b>	<b>407.629.694.157</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>58.964.683.013</b>	<b>4.565.415.921</b>
1. Tiền	111		58.964.683.013	4.565.415.921
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>214.364.447.934</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>5.2</b>		214.364.447.934
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>62.104.915.085</b>	<b>48.020.769.948</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		28.589.897.462	12.464.200.000
2. Trả trước cho người bán	132		1.473.000.000	360.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>5.3</b>	32.042.017.623	35.196.569.948
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>135.111.482.984</b>	<b>138.970.393.176</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>5.4</b>	135.111.482.984	138.970.393.176
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.073.582.426</b>	<b>1.708.667.178</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.014.249	185.324.654
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		635.324.249	1.523.342.524
3. Ký quỹ	153		3.410.243.928	
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>263.553.299.879</b>	<b>3.074.681.802</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.5</b>	<b>2.629.135.096</b>	<b>2.929.073.436</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		2.629.135.096	2.924.545.436
- Nguyên giá	222		3.309.363.530	3.269.363.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(680.228.434)	(344.818.094)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			4.528.000
- Nguyên giá	228		27.168.000	27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.168.000)	(22.640.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>260.824.447.934</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		260.824.447.934	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>997.168.49</b>	<b>145.608.366</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>5.7</b>	99.716.849	145.608.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>523.807.963.387</b>	<b>410.704.375.959</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	31/12/2011
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>175.288.280.642</b>	<b>110.413.836.044</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175.288.280.642</b>	<b>110.413.836.044</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8		22.519.554.000
2. Phải trả cho người bán	312		99.623.790.498	
3. Người mua trả tiền trước	313		9.569.808.715	23.340.543.253
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	10.138.544.147	8.393.562.840
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			175.638.669
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	47.092.108.000	47.092.108.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	8.864.029.282	8.892.429.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>348.519.682.745</b>	<b>300.290.539.915</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.12	<b>348.519.682.745</b>	<b>300.290.539.915</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		224.999.810.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.336.000.000	14.336.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		104.000.721.745	185.954.539.915
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>523.807.963.387</b>	<b>410.704.375.959</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
Chỉ tiêu			30/09/2012	31/12/2011
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05		506.76	506,49



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà  
Kế toán trưởng

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế đến 30/09/ năm	
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		109.137.190.226	115.805.322.544	547.121.110.417	321.612.185.920
2. Các khoản giảm trừ				1.100.000.000	
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại				1.100.000.000	
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	5.13	109.137.190.226	115.805.322.544	546.021.110.417	321.612.185.920
4. Giá vốn hàng bán	5.14	90.622.393.043	98.854.101.795	457.034.896.163	267.577.363.251
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		18.514.797.183	16.951.220.749	88.986.214.254	54.034.822.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.15	6.144.680.569	17.292.955	9.171.894.898	191.995.719
7. Chi phí tài chính	5.16	2.649.032.247	47.331.172	7.710.057.284	1.193.633.528
- Trong đó: Lãi vay phải trả		2.649.032.247	28.734.570	6.210.822.419	1.043.072.320
8. Chi phí bán hàng		1.355.628.891	830.455.538	7.630.838.837	2.115.539.381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		375.342.477	984.466.628	1.330.526.783	2.506.895.239
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		20.279.474.137	15.106.260.366	81.486.686.248	48.410.750.240
11. Thu nhập khác		110.416.000		255.870.546	13.000.001
12. Chi phí khác		638.477	70.000.000	401.951.888	194.547.411
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		109.777.523	-70.000.000	-146.081.342	-181.547.410
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		20.389.251.660	15.036.260.366	81.340.604.906	48.229.202.830
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.17				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		20.389.251.660	15.036.260.366	81.340.604.906	48.229.202.830



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2012

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp) - Lũy kế từ đầu năm

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>48,229,202,830</b>	<b>81,340,604,906</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	339,938,340	196,299,570
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	187,551,022	(450,620,110)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(114,547,412)	(14,733,877,059)
- Chi phí lãi vay	06	1,339,872,605	6,722,013,754
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>49,982,017,385</b>	<b>73,074,421,061</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13,196,126,862)	11,085,257,042
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	3,858,910,192	(27,581,717,926)
- Tăng, giảm các khoản phải trả ( không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp )	11	87,422,398,598	(29,001,856,881)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	203,201,922	121,406,079
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,195,983,716)	(6,350,095,752)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(1,280,397,281)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,188,843,717	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4,660,492,654)	
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>123,322,371,301</b>	<b>21,347,413,623</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(207,930,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	6,000,000,000	210,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52,460,000,000)	
6. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56,449,791	7 809 486 094
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46,403,550,209)</b>	<b>9,879,486,094</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17,000,000,000	92,964,693,500
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39,519,554,000)	(115,464,693,500)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.	36		(11,400,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22,519,554,000)</b>	<b>(33,900,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>54,399,267,092</b>	<b>(2,673,100,283)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4,565,415,921</b>	<b>19,829,288,638</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58,964,683,013</b>	<b>17,156,188,355</b>



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà  
Kế toán trưởng

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 13/09/2012.

Vốn Điều lệ: 224.999.810.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 là 23 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, romooc và bán romooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đồng Việt Nam ( VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**



### **3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **3.2 Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

### **4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

#### **4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

##### **- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá gộp đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### **4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

#### **4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

##### **Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thỏa mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	43,328,209,922	4,493,983,509
Tiền gửi ngân hàng	15,636,473,091	71,432,412
<b>Tổng cộng</b>	<b>58,964,683,013</b>	<b>4,565,415,921</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt vay theo các hợp đồng		214,364,447,934
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>214,364,447,934</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	28,567,910,867	25,855,190,766
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3,474,106,756	2,417,586,083
Tiền lãi vay phải thu Công ty CP TM Hưng Việt		6,923,793,099
<b>Tổng cộng</b>	<b>32,042,017,623</b>	<b>35,196,569,948</b>

(\*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng ( xem thuyết minh số 5.17 dưới đây)

#### 5.4 Hàng tồn kho

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	47,361,031,770	13,532,179,563
Thành phẩm		
Hàng hóa	10,499,845,852	31,158,910,757
Hàng gửi bán	77,183,287,180	94,279,302,856
Chi phí san lấp dự án An Đồng	67,318,182	
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>135,111,482,984</b>	<b>138,970,393,176</b>

#### 5.5 Tài sản cố định

<b>Tài sản cố định hữu hình.</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	<b>3,031,972,727</b>	<b>237,390,803</b>	<b>3,269,363,530</b>
Tại ngày 01/01/2012	3,031,972,727	237,390,803	3,269,363,530
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>40,000,000</b>	<b>40,000,000</b>
Mua trong kỳ		40,000,000	40,000,000
<b>Giảm trong kỳ</b>			<b>-</b>
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>3,031,972,727</b>	<b>277,390,803</b>	<b>3,309,363,530</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			<b>-</b>
Tại ngày 31/12/2011	230,861,384	113,956,710	344,818,094
Khấu hao trong kỳ	293,294,313	42,116,027	335,410,340
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>524,155,697</b>	<b>156,072,737</b>	<b>680,228,434</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>2,507,817,030</b>	<b>121,318,066</b>	<b>2,629,135,096</b>
Tại ngày 01/01/2012	2,801,111,343	123,434,093	2,924,545,436
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>2,507,817,030</b>	<b>121,318,066</b>	<b>2,629,135,096</b>
			-
<b>Tài sản cố định vô hình</b>			<b>-</b>
Nguyên giá tại ngày 01/01/2012		27,168,000	27,168,000
Hao mòn lũy kế đến ngày 30/09/2012		27,168,000	27,168,000
<b>Giá trị còn lại đến ngày 30/09/2012</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

**5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần thương mại Hưng Việt	260,824,447,934	
<b>Tổng cộng</b>	<b>260,824,447,934</b>	<b>-</b>

Thể hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VND ( Ba trăm tỷ đồng ) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án “ Golden land Building”. Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014.

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2012	145,608,366	254,603,325
Tăng trong kỳ	50,054,952	11,809,091
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(95,946,469)	(120,804,050)
Tại ngày 30/09/2012	<b>99,716,849</b>	<b>145,608,366</b>

**5.8 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng TMCP Á Châu – CN HP		22,519,554,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>22,519,554,000</b>

(\*) Khoản vay 2012, vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.05160511/HMTD ngày 18/05/2011 ; theo đó hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 đồng; Khoản vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại xe vận tải; Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; Lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Á Châu quy định từng thời kỳ. Tiền gốc trả vào cuối kỳ. Tiền lãi trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng 256,50 m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại Biệt thự số 183 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Quyền sử dụng 59,2 m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản trên đất tại số 324C (số 326 cũ) Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Quyền sử dụng 92 m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản trên đất tại số 212 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cùng toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc trên đất được xây dựng trên 44.767,6 m<sup>2</sup> đất thuê tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	1,253,170,580	2,417,586,082
Thuế nhập khẩu	5,405,766,811	4,691,379,476
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3,474,106,756	1,280,397,282
Thuế thu nhập cá nhân	5,500,000	4,200,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10,138,544,147</b>	<b>8,393,562,840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,092,108,000	47,092,108,000
Phải trả cá nhân		
<b>Tổng cộng</b>	<b>47,092,108,000</b>	<b>47,092,108,000</b>

(\*) Như trình bày tại thuyết minh số 5.18 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ khen thưởng	6,007,959,522	6,020,759,522
Quỹ phúc lợi	2,856,069,760	2,871,669,760
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,864,029,282</b>	<b>8,892,429,282</b>

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 31/12/2011	100,000,000,000	14,336,000,000		185,954,539,915	300,290,539,915
Lãi trong kỳ				48,229,202,830	
Chia cổ tức năm 2010	50,000,000,000			(50,000,000,000)	-
Chia cổ tức năm 2011	74,999,810,000			(74,999,810,000)	
Chia cổ tức 2011 TM				(60,000)	
Quỹ dự phòng tài chính			5,183,151,000	(5,183,151,000)	
Tại ngày 30/09/2012	224,999,810,000	14,336,000,000	5,183,151,000	104,000,721,745	348,519,682,745

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Theo giấy chứng nhận ĐKKD</b>		<b>Vốn đã góp đến 30/09/2012</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54,00	121.500.000.000	54,00
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85	53.662.500.000	23,85
Mai Trang	4.050.000.000	4,05	9.112.500.000	4,05
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05	9.112.500.000	4,05
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05	9.112.500.000	4,05
Cổ đông khác	10.000.000.000	10,00	22.499.810.000	10,00
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>224.999.810.000</b>	<b>100,00</b>

	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	319,684,090,913	543,964,391,644
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,928,095,007	2,056,718,773
<b>Tổng cộng</b>	<b>321,612,185,920</b>	<b>546,021,110,417</b>
<b>5.14 Giá vốn</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa	265,819,478,594	455,826,147,762
Giá vốn của dịch vụ	1,757,884,657	1,208,748,401
<b>Tổng cộng</b>	<b>267,577,363,251</b>	<b>457,034,896,163</b>
<b>5.15 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	56,449,791	590,629,533
Thu lãi từ hoạt động cho vay	135,545,928	6,631,410,390
Lãi từ chênh lệch tỷ giá		1,949,854,975
<b>Tổng cộng</b>	<b>191,995,719</b>	<b>9,171,894,898</b>
<b>5.16 Chi phí tài chính</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	1,043,072,320	6,210,822,419
Chênh lệch tỷ giá	150,561,208	1,499,234,865
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,193,633,528</b>	<b>7,710,057,284</b>
<b>5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	48,229,202,830	81,340,604,906
Thu nhập chịu thuế	48,229,202,830	81,340,604,906
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (25%)	12,057,300,708	20,335,151,227
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(12,057,300,708)	(20,335,151,227)
Thuế TNDN		

(\*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

#### 5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International dự kiến thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Prukca Việt Nam lần lượt là

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

15.000.000 USD và 85.000.000 USD ( trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa International lần lượt là 15% và 85% ).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng ( trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

**5.19 Giao dịch với bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Mua hàng hoá, dịch vụ 10.257.744.755

Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp 91.300.000

**Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt**

Giá trị đầu tư góp vốn

**6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

- \* Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.
- \* Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung
- \* Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Doanh thu	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	30/09/2012	30/09/2012	30/09/2012	
Doanh thu hàng hóa	25,344,999,998	59,609,090,905	30,193,636,362	115,147,727,265
Doanh thu dịch vụ	657,595,279			657,595,279
<b>Tổng cộng</b>	<b>26,002,595,277</b>	<b>59,609,090,905</b>	<b>30,193,636,362</b>	<b>115,805,322,544</b>

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	30/09/2012	30/09/2012	30/09/2012	
Giá vốn của hàng hóa	21,038,603,449	50,941,099,946	26,253,330,686	98,233,034,081
Giá vốn của dịch vụ	621,067,714			621,067,714
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,659,671,163</b>	<b>50,941,099,946</b>	<b>26,253,330,686</b>	<b>98,854,101,795</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2012</b>	
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	4,306,396,549	8,667,990,959	3,940,305,676	16,914,693,184
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	36,527,565			36,527,565
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,342,924,114</b>	<b>8,667,990,959</b>	<b>3,940,305,676</b>	<b>16,951,220,749</b>

**Các khoản phải thu ngắn hạn**

<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2012</b>	
Phải thu của khách hàng	7,853,997,462	9,356,600,000	11,379,300,000	28,589,897,462
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	<b>Tổng cộng</b>
		<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2012</b>	
Trả trước cho người bán			1,473,000,000	1,473,000,000

**Các khoản phải trả ngắn hạn**

<b>Khách hàng trả tiền trước</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/09/2011</b>	<b>30/09/2011</b>	<b>30/09/2011</b>	
Khách hàng trả tiền trước	2,172,958,715	4,867,700,000	2,529,150,000	9,569,808,715
<b>Phải trả cho người bán</b>		<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	<b>Tổng cộng</b>
		<b>30/09/2012</b>	<b>30/09/2012</b>	
Phải trả cho người bán		87,715,085,689	11,908,704,809	99,623,790,498

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**7.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 30/09/2011.

**7.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 3 năm 2012 so với quý 3 năm 2011.**

Do đặc thù kinh doanh chính của doanh nghiệp là kinh doanh dòng xe tải nặng, xe ben phục vụ chủ yếu cho các công trình xây dựng.

Trong thời gian qua do ngân hàng thắt chặt các nguồn vốn vay đầu tư xây dựng bất động sản, nên thị trường xây dựng, kinh doanh bất động sản gặp rất nhiều khó khăn hầu như không phát triển, đã kéo theo các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải vào tình trạng khó khăn chung. Các doanh nghiệp không có điều

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2012

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

kiện tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư tài sản, không có nguồn cung cấp vận tải nên việc đầu tư mua sắm xe ô tô trở nên hạn chế.

Vi vậy lợi nhuận quý 3 năm 2012 so với quý 3 năm 2011 đã giảm là 5.348.391.294 đồng tương đương với giảm 26%



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà  
Kế toán trưởng